

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 01/2017/HSST

Ngày 15/11/2017

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Anh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Quý

2. Bà Phạm Thị Hà

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Bích Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Đức Thọ - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 11 năm 2017, tại sân Trung tâm thương mại thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2017/HSST ngày 13 tháng 10 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T, sinh năm 1988, tại tỉnh Thanh Hóa; HKTT: Khu phố 4, phường T, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa: 7/12; Con ông Nguyễn Văn T1 (đã chết) và bà Lê Thị V; Bị cáo có vợ tên Dương Thị T2 và một người con tên Nguyễn Thiện N, sinh năm 2016; Tiền án: bị Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xử phạt 03 (ba) năm tù theo bản án số 63/2012/HSST ngày 28/9/2012; tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 26/7/2017; tạm giam từ ngày 01/8/2017 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Hoàng Thanh S (Tên gọi khác: S lé), sinh năm 1984, tại tỉnh Bình Phước; HKTT: Khu phố S, phường B, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa: 01/12; Con ông Hoàng Ngọc C (đã chết) và bà Phùng Thị D (Bị cáo là con nuôi); Bị cáo có vợ tên Hồ Thị T3 (đã ly hôn năm 2012) và hai người con Hoàng Thanh T4 sinh năm 2006 và Hoàng Thanh B sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 26/7/2017; tạm giam từ ngày 01/8/2017 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Anh Thái Hữu A, sinh năm 1979, trú tại: Khu phố 1, phường T, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước; vắng mặt.

NHẬN THẤY

Bị cáo Nguyễn Văn T và Hoàng Thanh S bị Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 26/7/2017, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47G1- 08539 từ nhà tại phường T đến phường P, thị xã Phước Long để trả xe cho Hoàng Thanh S. Khi gặp S thì T và S rủ nhau vào khu vực xã Đ, huyện M để mua ma túy của D1 (không rõ nhân thân, lai lịch) để sử dụng.

Sau khi sử dụng xong thì T điều khiển xe chở S về nhà T. Khi đi ngang qua quán karaoke “Cỏ Xanh” thuộc khu phố 2, phường T, thấy cổng mở, không có người trông coi nên T dừng xe lại, đi bộ vào trong quán tìm kiếm tài sản để lấy trộm còn S thì ở ngoài trông xe. Không phát hiện được tài sản gì nên T quay ra thì S nói T quay vào tìm lại thì T đồng ý. T đi xuống tầng hầm của quán, phát hiện trong phòng thứ hai tính từ ngoài đi vào có dán số phòng 11 có 02 cái máy khoan, một cái lớn màu xanh hiệu BOSCH ký hiệu GBH2-26DFV và một cái nhỏ hiệu BOSCH ký hiệu GBH2-18RE của anh Thái Hữu A (là thợ thi công sửa quán) để trong góc phòng. T liền lấy hai máy khoan trên ôm trước bụng lấy áo khoác che lại rồi đi ra cổng, ngồi lên xe kêu S chạy lên nhà Nguyễn Quang T5 để bán, nhưng anh T5 không mua nên T, S chở hai máy khoan ra hướng phường P tìm nơi tiêu thụ. Trên đường đi thì bị lực lượng tuần tra Công an thị xã Phước Long kiểm tra, phát hiện, lập biên bản phạm tội quả tang.

Ngày 01/8/2017, Nguyễn Văn T và Hoàng Thanh S bị khởi tố bị can để điều tra.

Tại Bản kết luận giám định tài sản số: 19/HĐ.ĐGTSTTHS.17 ngày 27/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Phước Long: Tại thời điểm ngày 26/7/2017, giá trị của cái máy khoan hiệu BOSCH ký hiệu GBH2-26DFV là 2.310.000đ và một cái máy khoan hiệu BOSCH ký hiệu GBH2-18RE là 2.340.000đ. Tổng giá trị tài sản là 4.650.000đ.

Cáo trạng số 31/CTr - VKS ngày 10/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T và Hoàng Thanh S về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; các điều 20, 33, 45, 53; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T. Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điều 20, 33, 45, 53; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hoàng Thanh S.

Đồng thời đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo T từ 12 (mười hai) đến 14 (mười bốn) tháng tù; bị cáo S từ 06 (sáu) đến 07 (bảy) tháng tù.

Các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đã thực hiện vào ngày 26/7/2017 như sau: Do nghiện ma túy, lười lao động lại muốn nhanh chóng có tiền để sử dụng cho nhu cầu cá nhân nên khi đi ngang qua quán karaoke “Cỏ Xanh” phát hiện cổng mở nhưng không có người trông coi, các bị cáo đã lén lút lấy trộm 02 cái máy khoan, một cái lớn màu xanh hiệu BOSCH ký hiệu GBH2-26DFV và một cái nhỏ BOSCH ký hiệu GBH2-18RE của anh Hữu A. Tài sản chiếm đoạt có giá trị 4.650.000đ (Bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Đối chiếu với lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, sẽ bị pháp luật nghiêm trị. Nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân, các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, tài sản chiếm đoạt có giá trị là 4.650.000đ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Viện kiểm sát truy tố và luận tội các bị cáo theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; ngoài ra còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội ở địa phương. Vì vậy, việc áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc đối với các bị cáo T, S là cần thiết nhằm giáo dục các bị cáo có ý thức tôn trọng pháp luật, tôn trọng tài sản và phòng ngừa chung.

Trong vụ án này bị cáo T, S cùng thực hiện tội phạm và việc phạm tội mang tính bộc phát, đây là vụ án đồng phạm giản đơn, nên cần phân tích đánh giá hành vi của các bị cáo khi thực hiện tội phạm trước khi quyết định hình phạt: bị cáo T khi phát hiện cổng quán karaoke Cỏ Xanh mở nhưng không có người trông coi thì nảy sinh ý định lén lút vào tìm kiếm tài sản để chiếm đoạt. Khi T dừng xe để vào quán thì S hiểu ý đồng thuận với T thực hiện việc chiếm đoạt, bị cáo T vào tìm kiếm tài sản, S đứng ngoài canh giới. Sau khi lấy được tài sản thì T kêu S chở đi tìm nơi tiêu thụ. Bị cáo T đã có một tiền án vào năm 2012, bị Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xử phạt 03 (ba) năm tù theo bản án số 63/2012/HSST ngày 28/9/2012 về tội mua bán trái phép chất ma túy, chấp hành xong hình phạt vào ngày 29/8/2014 chưa được xóa án tích đến ngày 26/7/2017 lại tiếp tục phạm tội. Lần phạm tội này thuộc trường hợp “Tái phạm” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, ngày 11/12/2004, bị cáo T sử dụng trái phép chất ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn trong thời hạn 03 tháng, chấp hành xong ngày 12/3/2015. Bị cáo S có nhân thân xấu: vào năm 2001 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản bị Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước ra Quyết định đưa vào trường giáo dưỡng thời hạn 24 tháng. Các bị cáo không lấy đó làm bài học để răn đe, cải tạo mình mà cùng cố ý thực hiện hành vi phạm tội, chứng tỏ các bị cáo có tính coi thường pháp luật. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của từng bị cáo, bị cáo T thực hiện với vai trò tích cực nhất nên phải chịu trách nhiệm hình sự nặng hơn so với bị cáo S.

Trước khi lượng hình Hội đồng xét xử đã xem xét và đồng tình với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Kiểm sát viên đề nghị áp dụng cho các bị cáo là “Thành khẩn khai báo”, “Tài sản đã được thu hồi trả lại cho người bị hại” được quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Bị cáo S không có các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, Bị cáo T có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Về vật chứng của vụ án:

02 cái máy khoan, một cái lớn màu xanh hiệu BOSCH ký hiệu GBH2-26DFV và một cái nhỏ BOSCH ký hiệu GBH2-18RE đã được thu hồi và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Phước Long xử lý trả lại cho người bị hại là đúng nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 47G1- 08539 các bị cáo sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội, Cơ quan điều tra công an thị xã Phước Long đã tiến hành tra cứu truy tìm chủ sở hữu nhưng chưa có kết quả nên đã tách ra tiếp tục xác minh, xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Thái Hữu A đã được nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T và Hoàng Thanh S (Tên gọi khác: S lẻ) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1.1. Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điều 20, 33, 45, 53; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/7/2017.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điều 20, 33, 45, 53; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Thanh S (Tên gọi khác: S lẻ) 07 (Bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/7/2017.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 15/11/2017).

Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận :

- TA, VKS tỉnh Bình Phước;
- VKS, Công an TX. Phước Long;
- THA TX. Phước Long;
- Các bị cáo; Người bị hại;
- Lưu: TA, HSVA,

TM. Hội đồng xét xử
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Trần Anh Nguyệt